

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 013/HENG SANVN/2020

### I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH HENG SAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 238, Đường 3.1, Khu đô thị Gamuda Gardens, Phường Trần Phú, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84) 243 540 1244

E-mail: import.hengsanvn@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0106761082

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 000187/2018/ATTP-CNĐK Ngày Cấp:

12/03/2018, Nơi cấp: CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM- BỘ Y TẾ (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định).

### II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Phụ gia thực phẩm: SANDRY® SUPER GEL

2. Thành phần: Chiết xuất protein đậu Hà Lan, chiết xuất tảo biển, polysaccharide tự nhiên từ thực vật

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và Hạn sử dụng xem trên bao bì

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

– Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì kín bằng túi PE đối với sản phẩm 1 kg; 20kg đóng trong bao giấy nhiều lớp; hoặc 25kg đóng trong thùng giấy carton nhiều lớp. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn trong thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

– Mã sản xuất và quy cách đóng gói:

| Tên sản phẩm      | Mã sản phẩm | Quy cách bao gói                                              |
|-------------------|-------------|---------------------------------------------------------------|
| SANDRY® SUPER GEL | HSB K77     | 1 kg/túi; 20kg/bao; 20kg/thùng carton hoặc 25 kg/thùng carton |

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

CÔNG TY TNHH HENG SAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tân Quang, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

### **III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

### **IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2020

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**

*Trịnh Trọng Tuấn*



**Nội dung ghi nhãn sản phẩm**

**Sản phẩm:** Phụ gia thực phẩm SANDRY® SUPER GEL

**Thành phần:** Chiết xuất protein đậu Hà Lan, chiết xuất tảo biển, polysaccharide tự nhiên từ thực vật

**Trọng lượng tịnh:**

**NSX:**

**HSD:**

**Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng trực tiếp trong chế biến thực phẩm

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

**Thông tin cảnh báo:** Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng

**Hồ sơ công bố sản phẩm số:** 013/HENGSAVN/2020

**Sản xuất bởi:** CÔNG TY TNHH HENGSA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Tân Quang, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

**Nhà phân phối độc quyền tại Việt Nam:**

**CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CÔNG NGHỆ PHẨM TTN**

HCM Office: No.302 Tòa nhà Thanh Thảo, No. 35 Chế Lan Viên, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú,  
TP. Hồ Chí Minh.

Tel: (+84-24) 3815 1582 - 0901 706 707

Hanoi Office: No.407, Tòa nhà Thanh Hà - CC2, Khu đô thị Bắc Linh Đàm, P. Đại Kim, Q. Hoàng  
Mai, TP. Hà Nội.

Tel: (+84-24) 3540 1844 - 0932 274 288

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2020

Đại diện

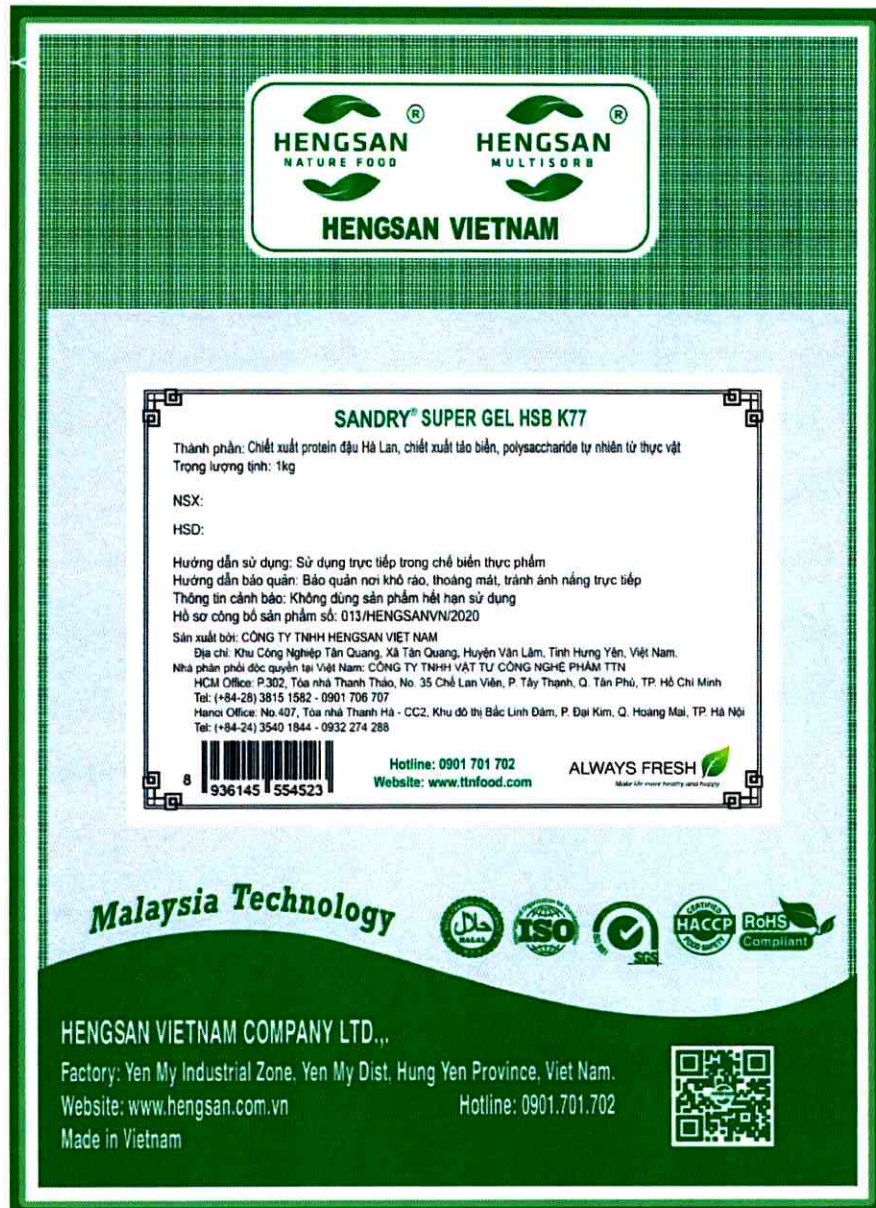


GIÁM ĐỐC

*Trịnh Trọng Tuấn*

## Mẫu nhãn sản phẩm

### 1. Mẫu nhãn túi



## 2. Mẫu nhãn thùng carton



### 3. Mẫu thùng carton





BỘ Y TẾ  
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA  
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thái Duyệt - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam  
Điện thoại: 84 - 2432262215 / 84 - 2432262216 \* Fax: 84- 2439335738 \* Website: www.nifc.gov.vn

Số: 10577/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
TEST REPORT

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 8127/PKN-VKNQG ngày 27 tháng 4 năm 2020

1. Tên mẫu: Phụ gia thực phẩm: SanDry® Super Gel  
Xuất xứ: Việt Nam
2. Mã số mẫu: 04202570/DV.5
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi ghép mí, 100 g/túi. Thông tin mẫu đánh máy dán trên túi - Số lượng: 2  
NSX: 15/04/2020 - HSD: 15/04/2021; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 21/04/2020
7. Thời gian thử nghiệm: 21/04/2020 - 27/04/2020
8. Nơi gửi mẫu: Công Ty TNHH HENG SAN Việt Nam  
Địa chỉ: Số 238 Đường 3.1, Khu đô thị Gamuda Gardens,  
Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

| STT   | Tên chỉ tiêu                       | Đơn vị | Phương pháp thử          | Kết quả                     |
|-------|------------------------------------|--------|--------------------------|-----------------------------|
| 9.1*  | Salmonella                         | /25g   | TCVN 10780-1:2017        | KPH                         |
| 9.2   | S. aureus                          | CFU/g  | Ref. TCVN 4830-1:2005    | KPH (LOD: 10 CFU/g)         |
| 9.3*  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí       | CFU/g  | TCVN 4884-1:2015         | KPH (LOD: 1 CFU/g)          |
| 9.4*  | Cl. perfringens                    | CFU/g  | TCVN 4991:2005           | KPH (LOD: 1 CFU/g)          |
| 9.5*  | B. cereus                          | CFU/g  | TCVN 4992:2005           | KPH (LOD: 10 CFU/g)         |
| 9.6*  | Coliforms                          | CFU/g  | TCVN 6848:2007           | KPH (LOD: 1 CFU/g)          |
| 9.7*  | E. coli                            | CFU/g  | TCVN 7924-2:2008         | KPH (LOD: 1 CFU/g)          |
| 9.8*  | Tổng số nấm men, nấm mốc           | CFU/g  | TCVN 8275-2:2010         | KPH (LOD: 1 CFU/g)          |
| 9.9   | Hàm lượng Cadmi                    | mg/kg  | NIFC.03.M.45 (ICP-MS)    | < LOQ<br>(LOQ: 0,012 mg/kg) |
| 9.10  | Hàm lượng Chì                      | mg/kg  | NIFC.03.M.45 (ICP-MS)    | KPH<br>(LOD: 0,007 mg/kg)   |
| 9.11* | Hàm lượng Aflatoxin B1, B2, G1, G2 | µg/kg  | NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,5 µg/kg)     |

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2020

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



TRƯỞNG KHOA  
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG  
TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
4. Chỉ tiêu đánh dấu \* là chỉ tiêu được công nhận VILAS
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu theo mẫu quy định